ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50 /2026/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 375/TTr-STC ngày 02 tháng 7 năm 2026 và Báo cáo số 797/BC-STC ngày 05 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 4 Điều 3; điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 5; điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; khoản 1 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5a Quyết định 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với các nội dung về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị không quy định cụ thể tại Quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.”

2. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“**Điều 3. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh**

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc trong các trường hợp cần thiết phải thực hiện sau:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VI, VII, VIII mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VI, VII, VIII Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

b) Điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá máy móc, thiết bị quy định tại phần VI, VII, VIII mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp cần thiết nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.”

3. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“**Điều 4. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung**

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc trong các trường hợp cần thiết phải thực hiện sau:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

b) Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

c) Trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp cần thiết nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.”

4. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“**Điều 4a. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số**

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trong các trường hợp sau:

a) Trang bị cho các chức danh tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

b) Trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc tại đơn vị mình và đơn vị trực thuộc để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với các trường hợp còn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được bổ sung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp cần thiết nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số có nhu cầu trang bị máy móc, thiết bị quy định từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg mà yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình dẫn đến mức giá cao hơn mức giá quy định hoặc có nhu cầu trang bị máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 7 và số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết

định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước thì thẩm quyền quyết định mức giá được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

5. Bổ sung Điều 4b vào sau Điều 4a như sau:

“Điều 4b. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.”

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 1 như sau:

“b) Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.”

b) Bổ sung điểm c sau điểm b khoản 1 như sau:

“c) Các cơ sở đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho đơn vị mình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.”

c) Thay cụm từ “lĩnh vực giáo dục” bằng cụm từ “lĩnh vực giáo dục và đào tạo” tại khoản 1 và khoản 2.

d) Bổ sung cụm từ "được bổ sung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg," vào sau cụm từ "quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg" tại khoản 2.

đ) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Riêng máy móc, thiết bị chuyên dùng thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hoặc phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng vốn ngân sách nhà nước phải lấy ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ về sự phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ đối với tính năng, dung lượng, cấu hình của máy móc, thiết bị trước khi ban hành theo thẩm quyền."

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp đã trang bị máy móc, thiết bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu hoặc triển khai các nội dung hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và điều chỉnh, bổ sung danh mục, yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu trong trường hợp cần thiết theo hướng dẫn của văn bản chuyên ngành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Báo, Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên;
- Trung tâm Thông tin - hội nghị tỉnh;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy